

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
			64,074,178,464	83,899,265,754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
		V.1	27,755,120,370	49,096,292,478
1. Tiền	111		22,247,725,313	2,088,897,421.00
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,507,395,057	47,007,395,057.00
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
		V.2	24,176,367,500	24,176,367,500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24,176,367,500	24,176,367,500.00
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
			9,758,154,272	5,848,578,163
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	36,384,816,336	36,022,954,793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,614,482,474	567,692,115
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2,500,000,000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6,282,967,289	6,282,043,082
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(37,024,111,827)	(37,024,111,827.00)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140			
		V.5	6,598,739	-
1. Hàng tồn kho	141		6,598,739	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
			2,377,937,583	4,778,027,613
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4	746,786,425	3,107,953,030.00
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,251,500.00	40,174,925.00
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,629,899,658.00	1,629,899,658.00
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2

Đơn vị tính: Đồng VN

5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24,266,963,741.00	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		534,360,000.00	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		534,360,000.00	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58,739,545.00	-
		V.6		
1. Tài sản cố định hữu hình	221		58,739,545.00	-
- Nguyên giá	222		324,697,094.00	592,903,556.00
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(265,957,549.00)	(592,903,556.00)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.7	43,000,000.00	43,000,000.00
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43,000,000.00)	(43,000,000.00)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2

Đơn vị tính: Đồng VN

III. Bất động sản đầu tư	230		3,700,000,000.00	
- Nguyên giá	231		3,700,000,000.00	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		395,220,600.00	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		395,220,600.00	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19,000,000,000.00	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19,000,000,000.00	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		578,643,596.00	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		578,643,596.00	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88,341,142,205.00	83,899,265,754
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		6,476,686,754.00	1,225,554,225
I. Nợ ngắn hạn	310		6,476,686,754.00	1,225,554,225.00
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		472,753,683	6,009,106.00
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,686,000	2,796,000.00
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		505,019,849	135,103,416.00
4. Phải trả người lao động	314		321,264,291	108,972,867.00
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,873,106,796	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2

Đơn vị tính: Đồng VN

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		34,614,164	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		763,983,615	972,414,480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2,500,000,000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258,356	258,356
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81,864,455,451.00	82,673,711,529.00
I. Vốn chủ sở hữu	410		81,864,455,451.00	82,673,711,529.00
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92,418,010,000.00	92,418,010,000.00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92,418,010,000.00	92,418,010,000.00

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2

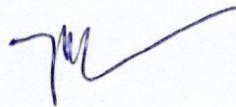
Đơn vị tính: Đồng VN

- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55,260,000.00	55,260,000.00
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,705,559,758.00	1,705,559,758.00
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12,314,374,307)	(11,505,118,229)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11,733,785,737)	(11,733,785,737)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(580,588,570)	228,667,508
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		88,341,142,205.00	83,899,265,754.00

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Chi



Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: Fax:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 2

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Năm nay	Kỳ này Năm trước	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,800,778,917.00	2,392,788,384.00	5,192,556,625.00	5,081,418,644.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		84,960,479.00	-	84,960,479.00	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,715,818,438.00	2,392,788,384.00	5,107,596,146.00	5,081,418,644.00
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3,575,555,300.00	2,292,381,805.00	6,900,116,268.00	4,880,300,014.00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(859,736,862.00)	100,406,579.00	(1,792,720,122.00)	201,118,630.00
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,873,342,538.00	1,117,295,711.00	3,840,547,946.00	2,140,605,700.00
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
8. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	105,778,966.00	68,177,602.00	105,778,966.00	136,031,919.00
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22)-(25+26))	30	VI.5	1,679,818,845.00	751,740,039.00	3,191,394,299.00	973,469,514.00
12. Thu nhập khác	31	VI.6	228,007,865.00	397,784,649.00	(1,249,344,441.00)	1,232,222,897.00
13. Chi phí khác	32	VI.7	200,296,005.00	12,466,773.00	330,296,005.00	94,284,955.00
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,600,000.00	322,800,024.00	3,200,000.00	323,901,624.00
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		198,696,005.00	(310,333,251.00)	327,094,005.00	(229,616,669.00)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		436,703,870.00	87,451,398.00	(922,249,436.00)	1,002,606,228.00
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		387,093,528.20	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	VI.8	39,610,341.80	87,451,398.00	(922,249,436.00)	1,002,606,228.00
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		-	-	-	-
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Handwritten signature)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Quý

10/10/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: Fax:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 2
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Đơn vị tính: đồng VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6,790,401,241	36,221,242,157.00
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3,364,602,881)	(50,074,364,516.00)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,792,359,677)	(484,032,385.00)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		48,017,374,580	147,063,284,349.00
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(64,997,526,371)	(63,268,420,669.00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15,346,713,108.00)	69,457,708,936.00
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8,000,000,000.00)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(157,347,000,000)	(164,401,828,332.00)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		199,000,000,000	95,603,776,943.00
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	286,318,372.00
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41,653,000,000.00	(76,511,733,017.00)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				



1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	6,280,788,000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(14,928,247,000)	
3. Tiền thu từ đi vay	33	2,500,000,000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16,262,200.00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6,147,459,000)	(16,262,200.00)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	20,158,827,892.00	(7,070,286,281.00)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,088,897,421	80,559,474,831.00
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	22,247,725,313.00	73,489,188,550.00

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

7/11

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thanh Chi

Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN****1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:**

Công ty Cổ phần PGT Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 19 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp qua các lần thay đổi như sau:

- Lần thứ nhất ngày

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 92.418.010.000 (Chín mươi hai tỷ bốn trăm mười tám triệu không trăm mười ngàn đồng).

Trụ sở hoạt động chính: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải đường bộ

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con sau đây:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Ngày kiểm soát công ty con</i>
Cty TNHH Vĩnh Đại Phát	L14-08B, Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1	100	100	03/02/2016
Công Ty TNHH Việc Ơi	55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Dakao, Quận 1	100	100	25/02/2016
Cty TNHH Vina Terrace	31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1	100	100	05/03/2016

Tổng số các công ty con: 3 (hai) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 3 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 200", "Thông tư 202"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 và Thông tư 202 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 200 và Thông tư 202 so với quy định trước đây nên các thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với số liệu tương ứng của Thông tư 200 và Thông tư 202.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần PGT Holdings được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần PGT Holdings và Báo cáo tài chính của 03 Công ty con do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần PGT Holdings, có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	
Máy móc và thiết bị	
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	
Thiết bị dụng cụ quản lý	
Tài sản cố định hữu hình khác	

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi sổ kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn trên 01 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 25 tháng 08 năm 2015 và được phân bổ trong 10 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.570.777.115	930.938.254
Tiền gửi ngân hàng	20.676.948.198	1.157.958.567
Tương đương tiền (*)	5.507.395.057	47.007.395.057
Cộng	27.755.120.370	49.096.292.478

(*) Là tiền gửi tại Ngân hàng ...

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
	24.176.367.500	24.176.367.500	24.176.367.500	24.176.367.500
Cộng	24.176.367.500	24.176.367.500	24.176.367.500	24.176.367.500

3. Phải thu khách hàng*Phải thu khách hàng ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu nội bộ	217.208.965			
- Khách hàng khác	36.022.954.793		6.009.106	
Cộng	36.384.816.336		6.009.106	

4. Trả trước cho người bán*Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phí thuê khách sạn 1		405.000.000
- Phí thuê khách sạn 2	535.680.000	2.700.000.000
- Phí khác	202.934.498	2.953.030
Cộng	738.614.498	3.107.953.030

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ				
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
Hàng hóa (*)	6.598.739			
Cộng	6.598.739			

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (**)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm		225.665.367	335.389.189	31.849.000		592.903.556
Tăng trong năm		67,182.727				67,182.727
- Mua sắm mới						
- XDCB hoàn thành						
- Tăng do hợp nhất công ty con						
-						
Giảm trong năm			335.389.189			
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC						
Số cuối năm		292.848.094		31.849.000		324.697.094
Trong đó:						

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.443.182	8.443.182
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm		
Tăng trong năm		
-Khấu hao trong năm		
-Tăng do hợp nhất công ty con		
-		
Giảm trong năm		
-Giảm theo TT45/2013/TT-BTC		
Số cuối năm	301.291.276	31.849.000
Giá trị còn lại		333.140.276
Số đầu năm		
Số cuối năm		

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	43.000.000	43.000.000	
Tăng trong năm			
Tăng do hợp nhất công ty con ^(*)			
Khấu hao trong năm			
Giảm trong năm			
Số cuối năm	43.000.000	43.000.000	

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Thuế giá trị gia tăng	31.019.085		110.992.306	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.629.899.658		1.629.899.658	
Thuế thu nhập cá nhân	314.530.909		216.507.255	
Cộng				

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Tổng doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Các khoản giảm trừ doanh thu**Doanh thu thuần****Doanh thu với các bên liên quan**

Công Ty TNHH Việc Ơi

Công Ty TNHH Vinaterrace

Cộng**2. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp hàng hóa

Giá vốn cung cấp dịch vụ khác

Cộng**3. Doanh thu hoạt động tài chính****Doanh thu hoạt động tài chính****Cộng****Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan**

Cty TNHH Việc Ơi

Cty TNHH Vina Terrace

Cty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát

Cộng**Năm nay**

2.800.778.917

84.960.479**2.715.818.438****Năm nay**

65.003.636

1.699.209.578

1.764.213.214**Năm nay**

3.575.555.300

3.575.555.300**Năm nay**

2.873.342.538

2.873.342.538**Năm nay**

161.535.054

15.925.210

2.009.897.022

2.033.143.535

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng		Năm nay
Chi phí bán hàng		105.778.966
Cộng		105.778.966
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm nay
Chi phí nhân viên quản lý		1.679.818.845
Cộng		1.679.818.845
6. Thu nhập khác		Năm nay
Thu nhập khác		200.296.005
Cộng		200.296.005
7. Chi phí khác		Năm nay
		1.600.000
Cộng		1.600.000
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm nay
Là thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của:		
Cty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát		387.093.528
Cộng		387.093.528
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.610.341
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)		92.418.010
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		92.418.010
(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm		Năm nay
	Vốn thực góp	Cổ phiếu lưu hành bình quân
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	92.418.010.000	92.418.010

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 31-33-35 Lê Anh Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày 22 tháng 04 năm 2016



[Handwritten signature]

Kakazu Shogo

Nguyễn Thị Thanh Chi

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc